

Số: 3480 /QĐ-UBND

Quận 6, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày
16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố
Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân
sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân Quận 6 về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm
2024;*

*Căn cứ Công văn số 4697/UBND-TCKH ngày 13 tháng 8 năm 2024 của
Ủy ban nhân dân quận 6 về việc phê duyệt và bố trí kinh phí trang bị thiết bị dạy
học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2024 - 2025;*

*Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Công văn 865/GDDT ngày
23 tháng 7 năm 2024 và Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 1513/TCKH
ngày 09 tháng 8 năm 2024 về phê duyệt và bố trí kinh phí trang bị thiết bị dạy
học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2024 – 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí sự nghiệp giáo dục đào tạo đã giao Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 6 tại Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận 6 (mã ĐVQHNS 1004655, Chương 618, Khoản 098) để bổ sung dự toán cho các Trường sự nghiệp công lập thuộc Quận.
Số tiền: 2.226.277.100 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm đồng).

- Nội dung: thực hiện mua sắm trang bị thiết bị dạy học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Loại kinh phí: kinh phí hoạt động không thường xuyên, mã nguồn 12.

Chi tiết theo Phụ lục số liệu kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đính kèm.

Giá trị dự toán nêu trên chỉ dùng làm cơ sở để Ủy ban nhân dân quận 6 bổ sung dự toán cho đơn vị không làm cơ sở thanh quyết toán trực tiếp.

Điều 2. Sau khi nhận được dự toán bố trí tại Điều 1 ban hành kèm theo Quyết định này, đơn vị thực hiện rút dự toán và thanh quyết toán theo quy định, quá trình mua sắm đảm bảo thực hiện trình tự, thủ tục đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận 6, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận 6, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận 6, Hiệu trưởng Trường có tên trong danh sách nêu trên chịu nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- UBND: CT, các PCT;
- VP.UBND: CVP, PCVP, TH;
- Lưu: VT, Ly/TCKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Bình



ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

**PHỤ LỤC SỐ LIỆU KINH PHÍ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 3480 /QĐ-UBND ngày 16 / 8 /2024 của
Ủy ban nhân dân quận 6)*

STT	Tên đơn vị	Mã QHNS	Chương	Khoản	Số tiền (đồng)
	Tổng cộng				2.226.277.100
I	Khối Trường tiểu học				1.409.638.400
1	Bình Tiên	1050638	622	072	99.667.600
2	Châu Văn Liêm	1046695	622	072	69.154.200
3	Chi Lăng	1050640	622	072	57.602.500
4	Đặng Nguyên Cẩn	1124101	622	072	75.239.600
5	Him Lam	1038950	622	072	49.164.900
6	Hùng Vương	1105576	622	072	70.359.500
7	Hy Vọng	1007515	622	072	26.532.400
8	Kim Đồng	1001670	622	072	76.449.900
9	Lam Sơn	1079772	622	072	78.950.000
10	Lê Văn Tám	1050634	622	072	69.779.800
11	Nguyễn Huệ	1074175	622	072	66.651.200
12	Nguyễn Thiện Thuật	1001669	622	072	85.368.100
13	Nguyễn Văn Luông	1122108	622	072	53.456.800
14	Nhật Tảo	1046694	622	072	88.839.400
15	Phạm Văn Chí	1050637	622	072	58.526.100
16	Phú Định	1050635	622	072	66.464.800
17	Phù Đổng	1050636	622	072	84.433.400
18	Phú Lâm	1037869	622	072	95.473.400
19	Trương Công Định	1009698	622	072	87.963.500
20	Vô Văn Tấn	1050639	622	072	49.561.300
II	Khối Trường trung học cơ sở				816.638.700
1	Bình Tây	1037866	622	073	98.596.000
2	Phạm Đình Hổ	1068402	622	073	39.714.500
3	Nguyễn Văn Luông	1037219	622	073	84.435.100
4	Lam Sơn	1076947	622	073	89.921.600
5	Hoàng Lê Kha	1104279	622	073	77.997.000
6	Văn Thân	1068401	622	073	95.812.200
7	Phú Định	1037868	622	073	94.614.300
8	Đoàn Kết	1037867	622	073	84.713.900
9	Nguyễn Đức Cảnh	1072625	622	073	71.933.600
10	Hậu Giang	1038952	622	073	78.900.500